

Huyện Yên Khánh
Xã Khánh Lợi
Mã QHNS: 1048872

Mẫu biểu số 114/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
Ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ
Quý 3 Năm 2024

Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh(%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	6.970.750.000	6.769.820.000	3.517.781.067	3.236.474.134	50.46	47.81
I. Các khoản thu 100%	72.000.000	72.000.000	185.542.661	185.542.661	257.7	257.7
Phí , lệ phí	24.000.000	24.000.000	4.242.500	4.242.500	17.68	17.68
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	38.000.000	38.000.000	161.980.000	161.980.000	426.26	426.26
+ Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích	38.000.000	38.000.000				
+ Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định			161.980.000	161.980.000		
Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	10.000.000	10.000.000	19.320.000	19.320.000	193.2	193.2
Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
Đóng góp của nhân dân theo quy định						
Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
Thu khác			161	161		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	319.000.000	118.070.000	447.458.806	166.151.873	140.27	140.72
1.Các khoản thu phân chia	61.000.000	42.700.000	225.712.395	59.846.177	370.02	140.15
Thuế sử dụng đất phí nông nghiệp	19.000.000	13.300.000	20.631.200	14.441.840	108.59	108.59
Thu tiền sử dụng đất			179.550.000	26.932.500		
Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			2.000.000	2.000.000		

Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh(%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Lệ phí trước bạ nhà, đất	42.000.000	29.400.000	23.531.195	16.471.837	56.03	56.03
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	258.000.000	75.370.000	221.746.411	106.305.696	85.95	141.05
- Thuế giá trị gia tăng và TNDN	12.000.000	7.480.000	84.096.644	52.392.220	700.81	700.43
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ sản xuất kinh doanh	6.000.000	3.740.000	47.961.579	29.880.073	799.36	798.93
- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	240.000.000	64.150.000	89.444.780	23.881.758	37.27	37.23
- Các khoản nộp chậm thuế			243.408	151.645		
- Thuế Tài nguyên						
- Phí bảo vệ môi trường						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	158.050.000	158.050.000				
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			35.297.100	35.297.100		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách trên	6.421.700.000	6.421.700.000	2.849.482.500	2.849.482.500	44.37	44.37
Bổ sung cân đối ngân sách	6.091.700.000	6.091.700.000	1.462.020.000	1.462.020.000	24	24
Bổ sung có mục tiêu	330.000.000	330.000.000	1.387.462.500	1.387.462.500	420.44	420.44